TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2021/DS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết và ông Trần Ngọc Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 165/2020/TLST-DS ngày 24/11/2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-DS ngày 22/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông Mai Trọng Q, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989, địa chỉ: Nguyễn T, Phường X, Tp Y, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn L, xã M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn vợ chồng Mai Trọng Q và Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà Nguyễn Thị Th là hàng xóm gần nhà cha mẹ ruột của bà T ở Thôn L, xã M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Vào các ngày 21/11/2019, 17/12/2019, bà Th mượn vợ chồng bà 40.000.000 đồng và 20.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 17/3/2020 sẽ trả 60.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi và thời gian trả lãi, chỉ viết thời hạn trả nợ là 17/3 trên giấy mượn tiền ngày 17/12/2019. Đến hẹn, nguyên đơn đã nhiều lần gọi bị đơn yêu cầu trả nợ, xuống nhà nhiều lần, lúc gặp, lúc không, từ khi mượn đến nay bà Th chưa trả được số tiền nào. Vợ chồng ông bà bức xúc vì bà Thkhông trả nợ nên đã làm đơn tố cáo

đến Công an. Ngày 22/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Y có thông báo trả lời đơn là tranh chấp dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Công an.

Sau đó, ông bà cũng đã nhiều lần ra nhà bà Th nhưng không gặp được. Do đó, ngày 02/11/2020, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết buộc bà Thphải trả gốc số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Về thời gian tính lãi, tách ra từng giấy mượn tiền cụ thể như sau:

- Đối với Giấy vay ngày 21/11/2019, số tiền vay 40.000.000 đồng thì yêu cầu trả lãi từ ngày 21/11/2019. Lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật.

- Đối với giấy mượn tiền từ ngày 17/12/2019, số tiền mượn là 20.000.000 đồng thì yêu cầu trả lãi từ ngày 21/11/2019. Lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Nguyễn Thị Th vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các quyết định, thông báo của Tòa và niêm yết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Thời gian tính lãi, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính từ ngày khởi kiện 03/11/2020 đến khi bà Th trả nợ hết. Yêu cầu trả nợ một lần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015, điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị Th phải trả số nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi vay theo quy định pháp luật là 10%, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện 03/11/2021 cho đến khi trả hết nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Vợ chồng ông Mai Trọng Q và bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Th trả nợ nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bà Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã M, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Do đó, TAND thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nghĩa vụ trả nợ: Xét tại các giấy mượn tiền bản gốc ngày 21/11/2019, ngày 17/12/2019 do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn Nguyễn Thị Th ghi, ký giấy mượn số tiền 40.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng. Nguyên đơn trình bày các Giấy mượn tiền đều do chính bị đơn Th viết ra và ký nhận. Bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn Th không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị Th phải trả số nợ gốc 60.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Lãi suất: Xét tại giấy mượn tiền ngày 21/11/2019, các đương sự không thỏa thuận trả lãi và thời gian trả nợ. Giấy mượn tiền ngày 17/12/2019, các bên không thỏa thuận trả lãi và thời gian trả nợ, có ghi "*17/Giêng: 01 tháng; 17/2: 02 tháng; 17/3: 03 tháng*". Nguyên đơn trình bày thời gian thỏa thuận trả nợ là sau 3 tháng đến hết ngày 17/3/2020. Bị đơn vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến nên không có căn cứ xác định thời gian trả nợ đến hết ngày 17/3/2020. Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nên xác định là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi nên có cơ sở chấp nhận mức lãi suất là 10% theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Thời gian tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 21/11/2019 đối với số tiền vay 60.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 BLDS thì: " *Đối với Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có*

thỏa thuận khác…”. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 21/11/2019 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh tại sao lại lấy thời điểm này nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi, yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện, xét việc thay đổi yêu cầu là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận. Xác định ngày 03/11/2020 là ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn, là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị nguyên đơn khởi kiện. Do đó, thời gian tính lãi đối với số nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 03/11/2020 cho đến thời điểm trả nợ là ngày Tòa án xét xử vụ án, ngày 28/5/20211 theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Khoản tiền lãi được tính cụ thể như sau: Lãi trên nợ gốc quá hạn (Tính từ ngày 03/11/2020 đến ngày 28/5/2021) = 60.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 06 tháng 25 ngày = 3.416.666 đồng.

[7] Như vậy, bị đơn Th phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 63.416.666 đồng trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.416.666 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Mai Trọng Q và Nguyễn Thị Thanh T; Buộc bị đơn Nguyễn Thị Th phải trả cho nguyên đơn số tiền 63.416.666 đồng trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 3.416.666 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị Th phải chịu 3.170.833 (*Ba triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000677 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên